

**BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PVC-U**  
**ÁP DỤNG KHU VỰC MIỀN BẮC TỪ NGÀY 20-06-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI**

*Phụ tùng ống PVC-U theo tiêu chuẩn ISO 1452:2009/TCVN 8491:2011*

STT	Sản Phẩm	ĐVT	PN (bar)	Đơn giá (đồng)	
				Chưa thuế	Thanh toán
<b>Nối thẳng (Plaint socket)</b>					
1	21 D	Cái	12,5	1,400	1,512
2	27 D	Cái	12,5	1,800	1,944
3	34 D	Cái	12,5	2,100	2,268
4	42 D	Cái	10	3,500	3,780
5	48 D	Cái	10	4,500	4,860
6	60 D	Cái	10	17,100	18,468
7	60 M	Cái	6	7,700	8,316
8	75 D	Cái	10	10,900	11,772
9	75 M	Cái	5	10,600	11,448
10	90 D	Cái	10	34,300	37,044
11	90 M	Cái	5	14,400	15,552
12	110 M	Cái	5	18,300	19,764
13	110 D	Cái	12,5	83,100	89,748
14	140 M	Cái	6	74,400	80,352
15	140 D	Cái	10	128,900	139,212
16	160 D	Cái	10	165,400	178,632
17	250 M	Cái	6	354,600	382,968
<b>Nối rút (Reducing socket)</b>					
1	27 x 21 D	Cái	12,5	1,400	1,512
2	34 x 21 D	Cái	12,5	1,900	2,052
3	34 x 27 D	Cái	12,5	2,500	2,700
4	42 x 21 D	Cái	10	3,000	3,240
5	42 x 27 D	Cái	10	3,100	3,348
6	42 x 34 D	Cái	10	3,200	3,456
7	48 x 21 D	Cái	10	4,000	4,320
8	48 x 27 D	Cái	10	4,100	4,428
9	48 x 34 D	Cái	10	4,300	4,644
10	48 x 42 D	Cái	10	4,400	4,752
11	60 x 21 D	Cái	10	5,400	5,832
12	60 x 27 D	Cái	10	6,600	7,128
13	60 x 34 D	Cái	10	8,500	9,180
14	60 x 42 D	Cái	10	7,600	8,208
15	60 x 48 D	Cái	10	8,900	9,612

**Ghi chú:**

M: Móng D: Dày TC: Thủ công (m): Hệ mét RN/RT: Ren ngoài/Ren trong RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau

**Phụ tùng ống PVC-U theo tiêu chuẩn ISO 1452:2009/TCVN 8491:2011**

STT	Sản Phẩm	ĐVT	PN (bar)	Đơn giá (đồng)	
				Chưa thuế	Thanh toán
<b>Nối rút (Reducing socket)</b>					
16	75 x 27 M	Cái	6	9,900	10,692
17	75 x 34 M	Cái	6	10,400	11,232
18	75 x 42 M	Cái	6	10,400	11,232
19	75 x 48 M	Cái	6	10,400	11,232
20	75 x 60 M	Cái	6	10,900	11,772
21	90 x 27 M	Cái	6	12,500	13,500
22	90 x 34 M	Cái	6	13,100	14,148
23	90 x 42 M	Cái	6	14,300	15,444
24	90 x 48 M	Cái	6	14,300	15,444
25	90 x 60 M	Cái	6	14,800	15,984
26	90 x 75 M	Cái	6	16,100	17,388
27	110 x 27M	Cái	6	20,900	22,572
28	110 x 34 M	Cái	6	22,600	24,408
29	110 x 42 M	Cái	6	21,700	23,436
30	110 x 48 M	Cái	6	21,700	23,436
31	110 x 60 M	Cái	6	22,600	24,408
32	110 x 75 M	Cái	6	23,000	24,840
33	110 x 90 M	Cái	6	23,500	25,380
34	125 x 110 TC	Cái	6	63,000	68,040
35	140 x 90 M	Cái	6	49,000	52,920
36	140 x 110 M	Cái	6	51,800	55,944
37	140x125 M	Cái	6	61,200	66,096
38	160 x 90 M	Cái	6	65,800	71,064
39	160 x 140 TC	Cái	6	118,700	128,196
40	200 x 140	Cái	6	158,900	171,612
41	200 x 160 TC	Cái	6	210,200	227,016
42	250 x 200 M	Cái	6	273,400	295,272
<b>Bạc chuyển bậc (Reduced bush)</b>					
1	140 x 60 M	Cái	6	42,300	45,684
2	140 x 75 M	Cái	6	42,300	45,684
3	140 x 90 M	Cái	6	56,100	60,588
4	140 x 110 M	Cái	6	56,100	60,588
5	160 x 90 M	Cái	6	84,000	90,720
6	160 x 110 M	Cái	6	92,300	99,684
7	200 x 90 M	Cái	6	152,500	164,700
8	200 x 110 M	Cái	6	152,500	164,700
9	200 x 140 M	Cái	6	152,500	164,700

**Ghi chú:**

M: Móng D: Dày TC: Thủ công (m): Hệ mét RN/RT: Ren ngoài/Ren trong RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau

**Phụ tùng ống PVC-U theo tiêu chuẩn ISO 1452:2009/TCVN 8491:2011**

STT	Sản Phẩm	ĐVT	PN (bar)	Đơn giá (đồng)	
				Chưa thuế	Thanh toán
<b>Nối ren ngoài (Plastic male threaded socket)</b>					
1	21 RN 1/2" D	Cái	12,5	1,400	1,512
2	21 RN 1"D	Cái	12,5	2,500	2,700
3	27 RN 1/2" D	Cái	12,5	1,600	1,728
4	27 RN 3/4" D	Cái	12,5	1,700	1,836
5	27 RN 1" D	Cái	12,5	2,700	2,916
6	27 RN 1.1/4"D	Cái	12,5	4,100	4,428
7	34 RN 1/2" D	Cái	12,5	2,900	3,132
8	34 RN 3/4" D	Cái	12,5	2,900	3,132
9	34 RN 1" D	Cái	12,5	3,100	3,348
10	34 RN 1.1/4"D	Cái	12,5	4,100	4,428
11	42 RN 1.1/4"D	Cái	10	4,300	4,644
12	48 RN 1.1/2"D	Cái	10	6,100	6,588
13	60 RN 2" D	Cái	10	9,700	10,476
14	75 RN 2.1/2" D	Cái	10	32,400	34,992
<b>Nối ren trong (Plastic female threaded socket)</b>					
1	21 RT 1/2" D	Cái	12,5	1,400	1,512
2	27 RT 1/2" D	Cái	12,5	1,600	1,728
3	27 RT 3/4" D	Cái	12,5	1,700	1,836
4	34 RT 1/2" D	Cái	12,5	2,800	3,024
5	34 RT 3/4" D	Cái	12,5	2,800	3,024
6	34 RT 1" D	Cái	12,5	3,100	3,348
7	42 RT 1.1/4" D	Cái	10	4,300	4,644
8	48 RT 1.1/2" D	Cái	10	6,100	6,588
9	60 RT 2" D	Cái	10	9,500	10,260
10	75 RT 2.1/2" D	Cái	10	32,300	34,884
<b>Nối ren trong thau (Brass female threaded socket)</b>					
1	21 RTT 1/2"D	Cái	12,5	10,800	11,664
2	27 RTT 1/2"D	Cái	12,5	12,800	13,824
3	27 RTT 3/4"D	Cái	12,5	13,600	14,688
<b>Bít xả thông tắc (Threaded clean out)</b>					
1	60 RT M	Bộ	6	12,000	12,960
2	90 RT M	Bộ	6	25,200	27,216
3	110 RT M	Bộ	6	33,600	36,288
4	140 RN M	Bộ	6	113,700	122,796
5	160 RT M	Bộ	6	85,100	91,908
6	200 RT M	Bộ	6	299,100	323,028

**Ghi chú:**

M: Mông D: Dày TC: Thủ công (m): Hệ mét RN/RT: Ren ngoài/Ren trong RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau

**Phụ tùng ống PVC-U theo tiêu chuẩn ISO 1452:2009/TCVN 8491:2011**

STT	Sản Phẩm	ĐVT	PN (bar)	Đơn giá (đồng)	
				Chưa thuế	Thanh toán
<b>Co 90° (90° Elbow)</b>					
1	21 D	Cái	12,5	1,400	1,512
2	27 D	Cái	12,5	2,300	2,484
3	34 D	Cái	12,5	3,500	3,780
4	42 D	Cái	10	5,800	6,264
5	48 D	Cái	10	9,000	9,720
6	60 D	Cái	10	18,400	19,872
7	60 M	Cái	6	12,900	13,932
8	75 M	Cái	5	22,600	24,408
9	90 M	Cái	5	31,300	33,804
10	90 D	Cái	10	50,300	54,324
11	110 M	Cái	5	50,000	54,000
12	125 M	Cái	6	87,800	94,824
13	140 M	Cái	4	121,200	130,896
14	140 D	Cái	12.5	223,900	241,812
15	160 M	Cái	6	177,400	191,592
16	200 M	Cái	6	386,600	417,528
17	200 D	Cái	10	519,100	560,628
18	225 M	Cái	6	584,100	630,828
19	225 D	Cái	10	998,900	1,078,812
<b>Co 45° (45° elbow)</b>					
1	21 D	Cái	12,5	1,400	1,512
2	27 D	Cái	12,5	1,900	2,052
3	34 D	Cái	12,5	3,000	3,240
4	42 D	Cái	10	4,400	4,752
5	48 D	Cái	10	7,000	7,560
6	60 D	Cái	10	16,000	17,280
7	60 M	Cái	6	10,900	11,772
8	75 D	Cái	12,5	41,500	44,820
9	75 M	Cái	5	18,700	20,196
10	90 M	Cái	5	25,700	27,756
11	90 D	Cái	10	35,800	38,664
12	110 M	Cái	6	49,900	53,892
13	110 D	Cái	8	93,300	100,764
14	125 M	Cái	6	69,600	75,168
15	140 M	Cái	6	93,400	100,872
16	140 D	Cái	12,5	190,000	205,200
17	160 M	Cái	6	155,400	167,832
18	200 M	Cái	6	220,000	237,600

**Ghi chú:**

M: Mỏng D: Dày TC: Thủ công (m): Hệ mét RN/RT: Ren ngoài/Ren trong RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau

**Phụ tùng ống PVC-U theo tiêu chuẩn ISO 1452:2009/TCVN 8491:2011**

STT	Sản Phẩm	ĐVT	PN (bar)	Đơn giá (đồng)	
				Chưa thuế	Thanh toán
<b>Co ren trong (Plastic female threaded elbow)</b>					
1	27 RT 1/2" D	Cái	12,5	3,200	3,456
2	27 RT 3/4" D	Cái	12,5	3,300	3,564
3	34 RT 1/2" D	Cái	12,5	5,200	5,616
4	34 RT 3/4" D	Cái	12,5	6,000	6,480
5	34 RT 1" D	Cái	12,5	6,500	7,020
<b>Co ren trong thau (Brass female threaded elbow)</b>					
1	21 RTT 1/2" D	Cái	12,5	13,700	14,796
2	27 RTT 1/2" D	Cái	12,5	16,400	17,712
3	27 RTT 3/4" D	Cái	12,5	19,400	20,952
4	34 RTT 1/2" D	Cái	12,5	25,700	27,756
5	34 RTT 3/4" D	Cái	12,5	29,200	31,536
<b>Chữ Y - T 45° (Y- Tee 45°)</b>					
1	34 D	Cái	12.5	6,300	6,804
2	48 D	Cái	10	16,300	17,604
3	60 M	Cái	6	22,000	23,760
4	75 M	Cái	8	61,600	66,528
5	90 M	Cái	6	76,800	82,944
6	110 M	Cái	3	104,400	112,752
7	110 M	Cái	6	138,000	149,040
8	140 M	Cái	6	327,500	353,700
9	160 M	Cái	6	418,500	451,980
10	200 M	Cái	6	882,400	952,992
<b>Chữ Y rút (Reducing Y - Tee 45°)</b>					
1	60 x 48 M	Cái	6	14,500	15,660
2	90 x 48 M	Cái	6	32,000	34,560
3	90 x 60 M	Cái	6	40,300	43,524
4	90 x 75 M	Cái	6	50,300	54,324
5	110 x 60 M	Cái	6	54,900	59,292
6	110 x 75 M	Cái	6	69,600	75,168
7	110 x 90 M	Cái	6	73,800	79,704
8	140 x 110 M	Cái	6	167,800	181,224
9	160 x 90 M	Cái	6	175,800	189,864
10	160 x 110 M	Cái	6	306,900	331,452
11	160 x 140 M	Cái	6	438,000	473,040
12	200 x 110 M	Cái	6	528,000	570,240
13	200 x 140 M	Cái	6	610,500	659,340
14	200 x 160 M	Cái	6	641,500	692,820

**Ghi chú:**

M: Mông D: Dày TC: Thủ công (m): Hệ mét RN/RT: Ren ngoài/Ren trong RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau

**Phụ tùng ống PVC-U theo tiêu chuẩn ISO 1452:2009/TCVN 8491:2011**

STT	Sản Phẩm	ĐVT	PN (bar)	Đơn giá (đồng)	
				Chưa thuế	Thanh toán
<b>Chữ T (Tee)</b>					
1	21 D	Cái	12,5	2,300	2,484
2	27 D	Cái	12,5	4,000	4,320
3	34 D	Cái	12,5	5,300	5,724
4	42 D	Cái	10	7,600	8,208
5	48 D	Cái	10	11,300	12,204
6	60 D	Cái	10	17,800	19,224
7	60 M	Cái	6	17,000	18,360
8	75 D	Cái	10	45,500	49,140
9	75 M	Cái	5	28,700	30,996
10	90 D	Cái	10	72,000	77,760
11	90 M	Cái	5	41,800	45,144
12	110 D	Cái	10	168,100	181,548
13	110 M	Cái	6	75,100	81,108
14	140 M	Cái	4	161,700	174,636
15	140 D	Cái	12,5	352,400	380,592
16	160 M	Cái	6	243,200	262,656
17	160 D	Cái	10	608,400	657,072
18	200 M	Cái	6	559,900	604,692
19	200 D	Cái	10	921,800	995,544
20	225 M	Cái	6	640,900	692,172
21	225 D	Cái	10	1,784,300	1,927,044
22	250 M	Cái	6	923,000	996,840
<b>Chữ T rút (Reducing tee)</b>					
1	27 x 21 D	Cái	12,5	3,100	3,348
2	34 x 21 D	Cái	12,5	4,000	4,320
3	34 x 27 D	Cái	12,5	4,300	4,644
4	42 x 21 D	Cái	10	5,200	5,616
5	42 x 27 D	Cái	10	5,800	6,264
6	42 x 34 D	Cái	10	7,000	7,560
7	48 x 21 D	Cái	10	8,500	9,180
8	48 x 27 D	Cái	10	8,600	9,288
9	48 x 34 D	Cái	10	9,000	9,720
10	48 x 42 D	Cái	10	11,600	12,528
11	60 x 21 D	Cái	10	10,400	11,232
12	60 x 27 D	Cái	10	11,800	12,744
13	60 x 34 D	Cái	10	13,000	14,040
14	60 x 42 D	Cái	10	17,100	18,468
15	60 x 48 D	Cái	10	17,100	18,468

**Ghi chú:**

M: Mông D: Dày TC: Thủ công (m): Hệ mét RN/RT: Ren ngoài/Ren trong RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau

**Phụ tùng ống PVC-U theo tiêu chuẩn ISO 1452:2009/TCVN 8491:2011**

STT	Sản Phẩm	ĐVT	PN (bar)	Đơn giá (đồng)	
				Chưa thuế	Thanh toán
<b>Chữ T rút (Reducing tee)</b>					
16	75 x 34 M	Cái	6	19,700	21,276
17	75 x 42 M	Cái	6	21,100	22,788
18	75 x 48 M	Cái	5	23,900	25,812
19	75 x 60 M	Cái	6	26,600	28,728
20	90 x 34 M	Cái	6	32,500	35,100
21	90 x 42 M	Cái	6	26,500	28,620
22	90 x 48 M	Cái	6	32,200	34,776
23	90 x 60 M	Cái	6	39,200	42,336
24	90 x 75 M	Cái	6	41,000	44,280
25	110 x 34 D	Cái	10	66,900	72,252
26	110 x 42 M	Cái	6	41,000	44,280
27	110 x 48 M	Cái	6	43,000	46,440
28	110 x 60 M	Cái	6	47,600	51,408
29	110 x 75 M	Cái	6	50,300	54,324
30	110 x 90 M	Cái	5	60,200	65,016
31	140 x 60 M	Cái	6	98,600	106,488
32	140 x 90 M	Cái	6	118,200	127,656
33	140 x 110 M	Cái	6	161,300	174,204
34	160 x 60 M	Cái	6	143,600	155,088
35	160 x 90 M	Cái	6	162,000	174,960
36	200 x 110 M	Cái	6	323,900	349,812
37	200 x 140 M	Cái	6	400,500	432,540
38	200 x 160 M	Cái	6	400,500	432,540
<b>T ren trong thau (Brass female threaded tee)</b>					
1	21 RTT 1/2" D	Cái	12,5	16,100	17,388
2	27 RTT 1/2" D	Cái	12,5	18,000	19,440
3	27 RTT 3/4" D	Cái	12,5	23,700	25,596
4	34 RTT 1/2" D	Cái	12,5	28,400	30,672
5	34 RTT 3/4" D	Cái	12,5	31,300	33,804
<b>T cong ( 90° turn lateral tee)</b>					
1	75 M	Cái	6	40,900	44,172
2	90 M	Cái	6	48,400	52,272
3	110 M	Cái	6	80,600	87,048
4	140 M	Cái	6	202,900	219,132
5	140 D	Cái	10	394,100	425,628
6	160 M	Cái	6	354,700	383,076
7	200 M	Cái	6	534,500	577,260

**Ghi chú:**

M: Mông D: Dày TC: Thủ công (m): Hệ mét RN/RT: Ren ngoài/Ren trong RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau

**Phụ tùng ống PVC-U theo tiêu chuẩn ISO 1452:2009/TCVN 8491:2011**

STT	Sản Phẩm	ĐVT	PN (bar)	Đơn giá (đồng)	
				Chưa thuế	Thanh toán
<b>T cong giảm (Reducing 90° turn lateral tee)</b>					
1	90 x 60 M	Cái	6	44,400	47,952
2	90 x 75 M	Cái	6	45,800	49,464
3	110x60 M	Cái	6	59,900	64,692
4	110x75 M	Cái	6	65,600	70,848
5	110x90 M	Cái	6	65,300	70,524
6	160 x 110 M	Cái	8	405,500	437,940
7	200x110 M	Cái	6	390,700	421,956
8	200x140 M	Cái	6	476,100	514,188
9	200x160 M	Cái	6	477,600	515,808
<b>Con thỏ (S - trap)</b>					
1	60 M	Bộ	6	65,300	70,524
2	75 M	Bộ	6	114,100	123,228
3	90 M	Bộ	6	145,000	156,600
4	110 M	Bộ	6	161,000	173,880
<b>Bích nối đơn (Single flange)</b>					
1	75 D	Bộ	10	126,800	136,944
2	90 D	Bộ	10	126,500	136,620
3	110 D	Bộ	10	170,500	184,140
4	250 D	Bộ	10	1,109,600	1,198,368
<b>Đầu nối thông sàn (Floor to floor connector)</b>					
1	90 M	Cái	6	24,800	26,784
2	110 M	Cái	6	30,500	32,940
<b>Nắp khóa (End cap)</b>					
1	75 M	Cái	5	11,100	11,988
2	90 M	Cái	5	12,000	12,960
3	110 M	Cái	5	24,800	26,784
4	110 D	Cái	12,5	68,700	74,196
5	140 M	Cái	6	51,900	56,052
6	140 D	Cái	10	96,800	104,544
7	160 M	Cái	6	77,200	83,376
8	200 M	Cái	6	177,800	192,024
<b>Khớp nối sống (Barrel union)</b>					
1	27 D	Bộ	12,5	15,100	16,308
<b>Van (Valve)</b>					
1	27 D	Cái	12,5	27,000	29,160

**Ghi chú:**

M: Móng D: Dày TC: Thủ công (m): Hệ mét RN/RT: Ren ngoài/Ren trong RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau

**Phụ tùng ống PVC-U theo tiêu chuẩn ISO 1452:2009/TCVN 8491:2011**

STT	Sản Phẩm	ĐVT	PN (bar)	Đơn giá (đồng)	
				Chưa thuế	Thanh toán
<b>Keo dán (Solvent cement)</b>					
1	25gr	Tuýp		6,600	7,128
2	50gr	Tuýp		11,200	12,096
3	100gr	Tuýp		20,600	22,248
4	200gr	Lon		53,100	57,348
5	500gr	Lon		96,500	104,220
6	1kg	Lon		180,300	194,724
<b>Joint cao su ống PVC-U (Rubber seals)</b>					
1	90 (m)	Cái		17,000	18,360
2	110	Cái		22,700	24,516
3	125	Cái		24,800	26,784
4	140	Cái		30,400	32,832
5	160	Cái		36,300	39,204
6	180	Cái		47,200	50,976
7	200	Cái		57,600	62,208
8	225	Cái		66,700	72,036
9	250	Cái		88,600	95,688
10	280	Cái		113,000	122,040
11	315	Cái		131,200	141,696
12	355	Cái		175,600	189,648
13	400	Cái		248,300	268,164
14	450	Cái		333,600	360,288
15	500	Cái		436,400	471,312
16	560	Cái		558,700	603,396
17	630	Cái		710,200	767,016



**GIÁM ĐỐC**

**CHOWMAHITORN PETPAISIT**

**Ghi chú:**

M: Màng D: Dây TC: Thủ công (m): Hệ mét RN/RT: Ren ngoài/Ren trong RNT/RTT: Ren ngoài thau/Ren trong thau